TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1992 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2019, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015, bà và ông Hà Văn T thành hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dânxã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, bà và ông Hà Văn T không hòa hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, ông Hà Văn T đã nhiều lần đánh đập bà, bà và ông Hà Văn T xảy ra mâu thuẫn kéo dài, hiện tại vẫn không thể hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình được. Bà và ông Hà Văn T không

còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2018. Bà xác định, bà không còn tình cảm dành cho ông Hà Văn T. Do đó, không thể tiếp tục chung sống. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông Hà Văn T.

Về con chung, có 01 người tên là Hà Minh Gia K (giới tính nam), sinh ngày 29 tháng 7 năm 2016, hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông Hà Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Hà Văn T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải 02 lần, triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng ông Hà Văn T không có ý kiến trình bày về các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Hà Văn T.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2015, bà Nguyễn Thị C và ông Hà Văn T thành hôn và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2015, nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị C và ông Hà Văn T là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị C và ông Hà Văn T đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài, không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2018. Bà Nguyễn Thị C xác định, bà không còn tình cảm dành cho ông Hà Văn T, không muốn tiếp tục cuộc sống chung, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với ông Hà Văn T và nay cương quyết yêu cầu ly hôn. Đồng thời ông Hà Văn T đã được Tòa án thông về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Hà Văn T vẫn không tham gia. Từ đó cho thấy, ông Hà Văn T cũng không có ý chí hòa giải hàn gắn với bà Nguyễn Thị C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị C và ông Hà Văn T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mà không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó không nên kéo dài quan hệ hôn nhân. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ly hôn ông Hà Văn T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện Hà Minh Gia K đang sinh sống và học tập ổn định cùng bà Nguyễn Thị C. Bà Nguyễn Thị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Hà Văn T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, nay xét giao Hà Minh Gia K cho bà Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Hà Văn T cấp dưỡng

nuôi con là sự tự nguyện. Do đó, xét nên ghi nhận là phù hợp với ý chí của bà Nguyễn Thị C.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị C và ông Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao một người con chung tên là Hà Minh Gia K (giới tính nam), sinh ngày 29/7/2016 cho bà Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C về việc không yêu cầu ông Hà Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007490 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hà Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời